

UBND PHƯỜNG HỒNG QUANG  
TRƯỜNG MẦM NON HỒNG QUANG

Khu Trung Tâm

Ngày 14 tháng 04 năm 2026

I. THỰC ĐƠN

Bữa chính buổi trưa (NT+MG)	Bữa phụ NT	Bữa phụ MG	Bữa chính chiều (NT)
Cơm gạo bắc thơm Thịt gà rim hành lá Canh khoai tây, cà rốt nấu thịt lợn, thì là Sữa Nuvi lắc trái cây	Sữa bột Nuvi Grow School	Sữa bột Nuvi Grow School Mỳ chũ nấu thịt bò rau ngót, hành lá	Mỳ chũ nấu thịt bò rau ngót, hành lá

II. TIÊU CHUẨN ĐƯỢC CHI:

STT	DIỄN GIẢI	SỐ XUẤT ĂN	TIÊU CHUẨN ĐƯỢC CHI		GHI CHÚ
			Tiền (đồng)	Tổng số (đồng)	
1	CƠM MẪU GIÁO	194	22,000	4,268,000	
2	CƠM NHÀ TRẺ	64	22,000	1,408,000	
	<b>TỔNG</b>	<b>258</b>		<b>5,676,000</b>	

III. PHÂN THỰC PHẨM TRONG NGÀY

STT	Tên thực phẩm	Mẫu giáo			Cơm nhà trẻ			Tổng cộng	
		SL (kg)	Đơn giá (đ)	Tiền (đ)	SL (kg)	Đơn giá (đ)	Tiền (đ)	SL (kg)	Tiền (đ)
1	Gạo bắc thơm	17.45	17,000	296,650	3.85	17,000	65,450	21.30	362,100
2	Dầu ăn	0.95	77,000	73,150	0.45	77,000	34,650	1.40	107,800
3	Nước mắm	0.30	76,000	22,800	0.10	76,000	7,600	0.40	30,400
4	Hạt nêm	0.30	70,000	21,000	0.10	70,000	7,000	0.40	28,000
5	Hành	0.19	35,000	6,650	0.06	35,000	2,100	0.25	8,750
6	Thịt gà	11.70	90,000	1,053,000	4.10	90,000	369,000	15.80	1,422,000
7	Hành lá	0.11	40,000	4,400	0.04	40,000	1,600	0.15	6,000
8	Khoai tây	6.80	23,000	156,400	2.00	23,000	46,000	8.80	202,400
9	Cà rốt	0.90	20,000	18,000	0.30	20,000	6,000	1.20	24,000
10	Thì là	0.08	50,000	4,000	0.02	50,000	1,000	0.10	5,000
11	Thịt lợn	1.55	150,000	232,500	0.50	150,000	75,000	2.05	307,500
12	Sữa Nuvi lắc trái cây	194	4,300	834,200	64	4,300	275,200	258.00	1,109,400
13	Mỳ chũ	3.50	45,000	157,500	1.15	45,000	51,750	4.65	209,250
14	Thịt bê bỏ bì	1.15	285,000	327,750	0.40	285,000	114,000	1.55	441,750
15	Rau ngót	0.07	70,000	4,900	0.03	70,000	2,100	0.10	7,000
16	Sữa bột Nuvi Grow	4.05	260,000	1,053,000	1.35	260,000	351,000	5.40	1,404,000
	<b>Tổng cộng</b>			<b>4,265,900</b>			<b>1,409,450</b>		<b>5,675,350</b>

IV. PHÂN QUYẾT TOÁN TRONG NGÀY

- Số tiền được chi: 5,676,000
- Số tiền đã chi: 5,675,350
- Số tiền còn thừa: 650
- Số tiền còn thiếu:

UBND PHƯỜNG HỒNG QUANG  
TRƯỜNG MẦM NON HỒNG QUANG

Khu Phú Lâm

Ngày 14 tháng 04 năm 2026

I. THỰC ĐƠN

Bữa chính buổi trưa (NT+MG)	Bữa phụ NT	Bữa phụ MG	Bữa chính chiều (NT)
Cơm gạo bắc thơm Thịt gà rim hành lá Canh khoai tây, cà rốt nấu thịt lợn, thì là Sữa Nuvi lắc trái cây	Sữa bột Nuvi Grow School	Sữa bột Nuvi Grow School Mỳ chũ nấu thịt bò rau ngót, hành lá	Mỳ chũ nấu thịt bò rau ngót, hành lá

II. TIÊU CHUẨN ĐƯỢC CHI:

STT	DIỄN GIẢI	SỐ XUẤT ĂN	TIÊU CHUẨN ĐƯỢC CHI		GHI CHÚ
			Tiền (đồng)	Tổng số (đồng)	
1	CƠM MẪU GIÁO	84	22,000	1,848,000	
2	CƠM NHÀ TRẺ	30	22,000	660,000	
	<b>TỔNG</b>	<b>114</b>		<b>2,508,000</b>	

III. PHÂN THỰC PHẨM TRONG NGÀY

STT	Tên thực phẩm	Mẫu giáo			Cơm nhà trẻ			Tổng cộng	
		SL (kg)	Đơn giá (đ)	Tiền (đ)	SL (kg)	Đơn giá (đ)	Tiền (đ)	SL (kg)	Tiền (đ)
1	Gạo bắc thơm	7.50	17,000	127,500	1.80	17,000	30,600	9.30	158,100
2	Dầu ăn	0.40	77,000	30,800	0.25	77,000	19,250	0.65	50,050
3	Nước mắm	0.15	76,000	11,400	0.05	76,000	3,800	0.20	15,200
4	Hạt nêm	0.10	70,000	7,000	0.05	70,000	3,500	0.15	10,500
5	Hành	0.07	35,000	2,450	0.03	35,000	1,050	0.10	3,500
6	Thịt gà	5.10	90,000	459,000	1.80	90,000	162,000	6.90	621,000
7	Hành lá	0.05	40,000	2,000	0.02	40,000	800	0.07	2,800
8	Khoai tây	2.90	23,000	66,700	1.00	23,000	23,000	3.90	89,700
9	Cà rốt	0.45	20,000	9,000	0.15	20,000	3,000	0.60	12,000
10	Thì là	0.04	50,000	2,000	0.01	50,000	500	0.05	2,500
11	Thịt lợn	0.66	150,000	99,000	0.24	150,000	36,000	0.90	135,000
12	Sữa Nuvi lắc trái cây	84	4,300	361,200	30	4,300	129,000	114.00	490,200
13	Mỳ chũ	1.50	45,000	67,500	0.50	45,000	22,500	2.00	90,000
14	Thịt bê bò bì	0.50	285,000	142,500	0.20	285,000	57,000	0.70	199,500
15	Rau ngót	0.03	70,000	2,100	0.02	70,000	1,400	0.05	3,500
16	Sữa bột Nuvi Grow	1.76	260,000	457,600	0.64	260,000	166,400	2.40	624,000
	<b>Tổng cộng</b>			<b>1,847,750</b>			<b>659,800</b>		<b>2,507,550</b>

IV. PHÂN QUYẾT TOÁN TRONG NGÀY

- Số tiền được chi: 2,508,000
- Số tiền đã chi: 2,507,550
- Số tiền còn thừa: 450
- Số tiền còn thiếu:

UBND PHƯỜNG HỒNG QUANG  
TRƯỜNG MẦM NON HỒNG QUANG

Khu Hậu Phú

Ngày 14 tháng 04 năm 2026

I. THỰC ĐƠN

Bữa chính buổi trưa (NT+MG)	Bữa phụ NT	Bữa phụ MG	Bữa chính chiều (NT)
Cơm gạo bắc thơm Thịt gà rim hành lá Canh khoai tây, cà rốt nấu thịt lợn, thì là Sữa Nuvi lắc trái cây	Sữa bột Nuvi Grow School	Sữa bột Nuvi Grow School Mỳ chũ nấu thịt bò rau ngót, hành lá	Mỳ chũ nấu thịt bò rau ngót, hành lá

II. TIÊU CHUẨN ĐƯỢC CHI:

STT	DIỄN GIẢI	SỐ XUẤT ĂN	TIÊU CHUẨN ĐƯỢC CHI		GHI CHÚ
			Tiền (đồng)	Tổng số (đồng)	
1	CƠM MÃU GIÁO	40	22,000	880,000	
2	CƠM NHÀ TRẺ		22,000	0	
	<b>TỔNG</b>	<b>40</b>		<b>880,000</b>	

III. PHÂN THỰC PHẨM TRONG NGÀY

STT	Tên thực phẩm	Mẫu giáo			Cơm nhà trẻ			Tổng cộng	
		SL (kg)	Đơn giá (đ)	Tiền (đ)	SL (kg)	Đơn giá (đ)	Tiền (đ)	SL (kg)	Tiền (đ)
1	Gạo bắc thơm	3.60	17,000	61,200				3.60	61,200
2	Dầu ăn	0.20	77,000	15,400				0.20	15,400
3	Nước mắm	0.05	76,000	3,800				0.05	3,800
4	Hạt nêm	0.05	70,000	3,500				0.05	3,500
5	Hành	0.05	35,000	1,750				0.05	1,750
6	Thịt gà	2.30	90,000	207,000				2.30	207,000
7	Hành lá	0.02	40,000	800				0.02	800
8	Khoai tây	1.40	23,000	32,200				1.40	32,200
9	Cà rốt	0.20	20,000	4,000				0.20	4,000
10	Thì là	0.02	50,000	1,000				0.02	1,000
11	Thịt lợn	0.35	150,000	52,500				0.35	52,500
12	Sữa Nuvi lắc trái cây	40	4,300	172,000				40.00	172,000
13	Mỳ chũ	0.70	45,000	31,500				0.70	31,500
14	Thịt bê bỏ bì	0.25	285,000	71,250				0.25	71,250
15	Rau ngót	0.02	70,000	1,400				0.02	1,400
16	Sữa bột Nuvi Grow	0.85	260,000	221,000				0.85	221,000
<b>Tổng cộng</b>				<b>880,300</b>			<b>0</b>		<b>880,300</b>

IV. PHÂN QUYẾT TOÁN TRONG NGÀY

- Số tiền được chi: 880,000
- Số tiền đã chi: 880,300
- Số tiền còn thừa:
- Số tiền còn thiếu: -300

# TRƯỜNG MẦM NON HỒNG QUANG

Khu Nam Quang

Ngày 14 tháng 04 năm 2026

## I. THỰC ĐƠN

Bữa chính buổi trưa (NT+MG)	Bữa phụ NT	Bữa phụ MG	Bữa chính chiều (NT)
Cơm gạo bắc thơm Thịt gà rim hành lá Canh khoai tây, cà rốt nấu thịt lợn, thì là Sữa Nuvi lắc trái cây	Sữa bột Nuvi Grow School	Sữa bột Nuvi Grow School Mỳ chũ nấu thịt bò rau ngót, hành lá	Mỳ chũ nấu thịt bò rau ngót, hành lá

## II. TIÊU CHUẨN ĐƯỢC CHI:

STT	DIỄN GIẢI	SỐ XUẤT ĂN	TIÊU CHUẨN ĐƯỢC CHI		GHI CHÚ
			Tiền (đồng)	Tổng số (đồng)	
1	CƠM MẪU GIÁO	154	22,000	3,388,000	
2	CƠM NHÀ TRẺ	35	22,000	770,000	
	<b>TỔNG</b>	<b>189</b>		<b>4,158,000</b>	

## III. PHÂN THỰC PHẨM TRONG NGÀY

STT	Tên thực phẩm	Mẫu giáo			Cơm nhà trẻ			Tổng cộng	
		SL (kg)	Đơn giá (đ)	Tiền (đ)	SL (kg)	Đơn giá (đ)	Tiền (đ)	SL (kg)	Tiền (đ)
1	Gạo bắc thơm	13.90	17,000	236,300	2.10	17,000	35,700	16.00	272,000
2	Dầu ăn	0.80	77,000	61,600	0.25	77,000	19,250	1.05	80850
3	Nước mắm	0.25	76,000	19,000	0.05	76,000	3,800	0.30	22800
4	Hạt nêm	0.20	70,000	14,000	0.05	70,000	3,500	0.25	17500
5	Hành	0.15	35,000	5,250	0.05	35,000	1,750	0.20	7000
6	Thịt gà	9.15	90,000	823,500	2.20	90,000	198,000	11.35	1,021,500
7	Hành lá	0.08	40,000	3,200	0.02	40,000	800	0.10	4,000
8	Khoai tây	5.40	23,000	124,200	1.20	23,000	27,600	6.60	151,800
9	Cà rốt	0.80	20,000	16,000	0.20	20,000	4,000	1.00	20,000
10	Thì là	0.08	50,000	4,000	0.02	50,000	1,000	0.10	5,000
11	Thịt lợn	1.25	150,000	187,500	0.30	150,000	45,000	1.55	232,500
12	Sữa Nuvi lắc trái c	154	4,300	662,200	35	4,300	150,500	189.00	812,700
13	Mỳ chũ	2.80	45,000	126,000	0.60	45,000	27,000	3.40	153,000
14	Thịt bê bỏ bì	0.90	285,000	256,500	0.20	285,000	57,000	1.1	313,500
15	Rau ngót	0.04	70,000	2,800	0.01	70,000	700	0.05	3,500
16	Sữa bột Nuvi Grov	3.25	260,000	845,000	0.75	260,000	195,000	4.00	1,040,000
	<b>Tổng cộng</b>			<b>3,387,050</b>			<b>770,600</b>		<b>4,157,650</b>

## IV. PHÂN QUYẾT TOÀN TRONG NGÀY

- Số tiền được chi: 4,158,000
- Số tiền đã chi: 4,157,650
- Số tiền còn thừa: 350
- Số tiền còn thiếu:

